

PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

CHƯƠNG 1+ 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

0.1.1 Chủ nghĩa Mác-Lênin gồm bao nhiêu bộ phận cấu thành:

- A. 2
- B. 3**
- C. 4
- D. 5

0.1.2 Chủ nghĩa Mác ra đời vào khoảng thời gian nào:

- A. Đầu thế kỷ XVII
- B. Những năm đầu thế kỷ XVIII
- C. Những năm 40 của thế kỷ XIX**
- D. Đầu thế kỷ XX

0.1.3 Chủ nghĩa Mác ra đời dựa trên nền tảng phát triển của:

- A. Nông nghiệp
- B. Công nghiệp**
- C. Thủ công nghiệp
- D. Thương mại-dịch vụ

0.1.4 Đây là tiền đề lý luận làm điều kiện ra đời chủ nghĩa Mác:

- A. Triết học cổ điển Đức**
- B. Thuyết tiến hóa
- C. Sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản
- D. Mâu thuẫn giữa Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

0.1.5 Đây là tiền đề khoa học tự nhiên làm điều kiện ra đời chủ nghĩa Mác:

- A. Triết học cổ điển Đức
- B. Thuyết tiến hóa**
- C. Sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản
- D. Mâu thuẫn giữa Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

0.1.6 Sự ra đời của triết học Mác bị quyết định bởi:

- A. 2 tiền đề
- B. 3 tiền đề**
- C. 4 tiền đề
- D. 5 tiền đề

Tác giả của thuyết tiến hóa

0.1.7 Đối tượng nghiên cứu của triết học là:

- A. Những quy luật của thế giới khách quan
- B. Những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy
- C. Những vấn đề chung nhất của giới tự nhiên, của xã hội và con người, mối quan hệ của con người nói chung, của tư duy con người nói riêng với thế giới xung quanh.**
- D. Những vấn đề chung nhất của giới tự nhiên, của xã hội và con người, mối quan hệ của con người với thế giới xung quanh.

0.1.8 Triết học ra đời từ thực tiễn, do nhu cầu của thực tiễn, nó có các nguồn gốc:

- A. Nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc xã hội.
- B. Nguồn gốc nhận thức, nguồn gốc xã hội và nguồn gốc giai cấp.
- C. Nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc xã hội và nguồn gốc tư duy.**
- D. Nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc tư duy.

0.1.9 Mác đã kế thừa học thuyết tiến hóa của ai?

- A. Lô-mô-nô-xốp
- B. Hê-ghen
- C. Đác-Uyn**
- D. Phoi-ơ-bách

0.1.10 Các bộ phận lý luận quan trọng của chủ nghĩa Mác-Lênin gồm:

- A. Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội không tưởng**

- B. Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học
- C. Thuyết tế bào, thuyết tiến hóa, định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
- D. Khoa học và thực tiễn cách mạng

CHƯƠNG 1: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

MỨC 1:

- 1.1.0. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy tâm thì bản chất thế giới là gì?
 - A. Ý thức
 - B. Vật chất
 - C. Ý niệm
 - D. Do thượng đế quy định
- 1.1.1. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật thì bản chất thế giới là gì?
 - A. **Vật chất**
 - B. Vật thể
 - C. Ý thức
 - D. Do thượng đế qui định
- 1.1.2. Trường phái nào cho rằng ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất?
 - A. Duy vật
 - B. **Duy tâm**
 - C. Nhị nguyên
 - D. Duy vật siêu hình
- 1.1.3. Trường phái nào cho rằng vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức?
 - A. **Duy vật**
 - B. Duy tâm
 - C. Nhị nguyên
 - D. Duy vật siêu hình
- 1.1.4. Nhà triết học Hy Lạp cổ đại nào quan niệm vật chất là nước?
 - A. **Ta-lét**
 - B. A-na-xi-men
 - C. Hê-ra-clit
 - D. Đê-mô-crít
- 1.1.5. Nhà triết học Hy Lạp cổ đại nào quan niệm vật chất là lửa?
 - A. Ta-lét
 - B. A-na-xi-men
 - C. **Hê-ra-clit**
 - D. Đê-mô-crít
- 1.1.6. Nhà triết học Hy Lạp cổ đại nào quan niệm vật chất là không khí?
 - A. Ta-lét
 - B. **A-na-xi-men**
 - C. Hê-ra-clit
 - D. Đê-mô-crít
- 1.1.7. Nhà triết học Hy Lạp cổ đại nào quan niệm vật chất là nguyên tử?
 - A. Ta-lét
 - B. A-na-xi-men
 - C. Hê-ra-clit
 - D. **Đê-mô-crít**

- 1.1.8. Thêm cụm từ thích hợp vào câu sau để được định nghĩa về vật chất của Lênin: Vật chất là.....(1) dùng để chỉ.....(2) được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.
- A. (1)-vật thể,(2)- hoạt động
B. (1)-phạm trù triết học, (2)- thực tại khách quan
 C. (1)-phạm trù triết học, (2)- một vật thể
 D. (1)-vật thể, (2)- tồn tại khách quan
- 1.1.9. Người đưa ra định nghĩa khoa học về phạm trù vật chất là:
- A. Các - Mác
 B. Ph. Ăngghen
C. V.I.Lênin
 D. G.Hêghen
- 1.1.10. Mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy, được khái quát bằng khái niệm gì?
- A. Khái niệm phát triển
B. Khái niệm vận động
 C. Khái niệm tiến bộ
 D. Khái niệm biến đổi
- 1.1.11. Ph.Ăngghen đã chia vận động làm mấy hình thức cơ bản:
- A. 3 hình thức
B. 5 hình thức
 C. 4 hình thức
 D. 6 hình thức
- 1.1.12. Theo Ăngghen, thế giới thống nhất thực sự tính nào?
- A. Tính vật chất**
 B. Tính hiện thực
 C. Tính khách quan
 D. Sự tồn tại cả trong tự nhiên và cả xã hội
- 1.1.13. Những quan điểm dưới đây về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, quan điểm nào là quan điểm của triết học Mác - Lênin?
- A. Ý thức là cái có trước, vật chất là cái có sau, ý thức quyết định vật chất, sáng tạo ra vật chất
 B. Vật chất có trước quyết định ý thức mà không thấy được vai trò tác động trở lại của ý thức đối với vật chất
C. Vật chất quyết định ý thức và ý thức tác động trở lại vật chất
 D. Vật chất quyết định ý thức và ngược lại ý thức cũng quyết định vật chất
- 1.1.14. Theo Chủ nghĩa duy vật biện chứng, hình thức tồn tại của vật chất là:
- A. không gian, thời gian**
 B. vận động
 C. đứng im
 D. vận động, không gian, thời gian
- 1.1.15. Theo Ph.Ăngghen, hình thức vận động thấp nhất là:
- A. Cơ học**
 B. Hóa học
 C. Sinh học
 D. Vật lý
- 1.1.16. Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ăngghen, hình thức nào là cao nhất và phức tạp nhất?
- A. Cơ học
 B. Sinh học
 C. Vật lý
D. Xã hội

- 1.1.17. Theo quan điểm của CNDVBC, đứng im là:
- Vận động trong trạng thái cân bằng**
 - Nằm im
 - Không vận động
 - Trạng thái cân bằng
- 1.1.18. Theo quan điểm của CNDVBC, đứng im mang tính chất:
- Tương đối**
 - Tuyệt đối
 - Vừa tương đối vừa tuyệt đối
 - Bình thường, không có gì đặc biệt
- 1.1.19. Vấn đề cơ bản của triết học có mấy mặt?
- 01
 - 02**
 - 03
 - 04
- 1.1.20. Hình thức đầu tiên của chủ nghĩa duy vật là gì?
- Chủ nghĩa duy vật chất phác**
 - Chủ nghĩa duy vật siêu hình
 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng
 - Chủ nghĩa duy vật cực đoan
- 1.1.21. Hình thức cơ bản thứ hai của chủ nghĩa duy vật là gì?
- Chủ nghĩa duy vật chất phác
 - Chủ nghĩa duy vật siêu hình**
 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng
 - Chủ nghĩa duy vật cực đoan
- 1.1.22. Hình thức cơ bản thứ ba của chủ nghĩa duy vật là gì?
- Chủ nghĩa duy vật chất phác
 - Chủ nghĩa duy vật siêu hình
 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
 - Chủ nghĩa duy vật cực đoan
- 1.1.23. Chủ nghĩa duy vật biện chứng do ai sáng lập nên?
- Mác
 - Ph.Ăngghen
 - C.Mác và Ăngghen**
 - C.Mác, Ăngghen và V.I.Lênin
- 1.1.24. Theo định nghĩa vật chất của V.I.Lenin thì vật chất là:
- Thế giới
 - Thực tại khách quan**
 - Cái được cảm giác
 - Cái được phản ánh
- 1.1.25. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý thức có nguồn gốc từ đâu?
- Vật chất**
 - Bộ não người
 - Ý thức của Thượng Đế
 - Thế giới khách quan
- 1.1.26. Nguồn gốc tự nhiên của ý thức theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng là?
- Bộ não của con người
 - Bộ não người và thế giới khách quan**
 - Bộ não người và lao động
 - Ngôn ngữ và thế giới khách quan
- 1.1.27. Nguồn gốc xã hội của ý thức theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng là?
- Lao động và ngôn ngữ**
 - Bộ não người và thế giới khách quan
 - Bộ não người và lao động
 - Ngôn ngữ và thế giới khách quan

MỨC 3:

- 1.2.1. Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, phạm trù nào dùng để chỉ “ thực tại khách quan”?
- A. **Vật chất**
 - B. Thế giới
 - C. Ý thức
 - D. Phản ánh
- 1.2.2. Theo Ph.Ăngghen, phương thức tồn tại của vật chất là gì?
- A. Đứng im
 - B. **Vận động**
 - C. Phủ định
 - D. Chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác
- 1.2.3. **Vật chất và ý thức tồn tại độc lập, chúng không nằm trong quan hệ sản sinh, cũng không nằm trong quan hệ quyết định nhau, đây là quan điểm của trường phái nào?**
- A. **Duy vật**
 - B. Duy tâm
 - C. Nhị nguyên
 - D. Tôn giáo
- 1.2.4. Sự tương tác giữa 2 hay nhiều hệ thống vật chất, được khái quát bằng phạm trù gì?
- A. **Phản ánh**
 - B. Tương tác
 - C. Tác động
 - D. Chụp lại, chép lại
- 1.2.5. **Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất?**
- A. Vật chất là vật thể
 - B. **Vật chất không loại trừ cái không là vật thể**
 - C. Không là vật thể thì không phải là vật chất
 - D. Vật chất là những vật dụng cụ thể do con người tạo ra để thoả mãn nhu cầu của mình
- 1.2.6. **Trường phái nào thừa nhận tính thứ nhất của ý thức con người?**
- A. Chủ nghĩa duy vật
 - B. **Chủ nghĩa duy tâm chủ quan**
 - C. Nhị nguyên luận
 - D. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- 1.2.7. **Khi khẳng định vật chất là thực tại khách quan V.I.Lenin thừa nhận con người có khả năng nhận thức được thế giới, đây là quan điểm của trường phái nào?**
- A. **Khả tri luận**
 - B. Bất khả tri luận
 - C. Nhị nguyên luận
 - D. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- 1.2.8. **Phương thức tồn tại của vật chất là:**
- A. **Vận động**
 - B. Không gian
 - C. Thời gian
 - D. Đứng im
- 1.2.9. **Vấn đề cơ bản của triết học là:**
- A. Vật chất và ý thức
 - B. Vai trò của tự nhiên đối với con người
 - C. **Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức**
 - D. Khả năng nhận thức của con người
- 1.2.10. **Sự khác nhau cơ bản giữa phản ánh ý thức và các hình thức phản ánh khác của thế giới vật chất là ở chỗ nào?**

- A. Phản ánh ý thức mang tính thụ động
- B. **Tính sáng tạo, năng động, tích cực**
- C. Tính bị qui định bởi vật phản ánh
- D. Tính đúng đắn trung thực với vật phản ánh

1.2.11. Trong phép biện chứng duy vật, tính chất nào sau đây không phải là tính chất cơ bản của mỗi liên hệ

- A. **Tuyệt đối**
- B. Khách quan
- C. Đa dạng, phong phú
- D. Phổ biến

1.2.12. Các loại vận động sau đây: Chim bay, tàu chạy, sự dao động con lắc, thuộc hình thức vận động nào?

- A. Vận động vật lý
- B. Vận động hóa học
- C. **Vận động cơ học**
- D. Vận động sinh học

MỨC 3:

1.3.1. Theo Ph.Ăngghen, ở thời cổ đại, nền triết học nào đã thể hiện một cách sâu sắc tinh thần của phép biện chứng tự phát nhất ?

- A. **Hy Lạp**
- B. Trung Quốc
- C. Ấn Độ
- D. Ai Cập

1.3.2. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, vật chất với tư cách là một phạm trù triết học có đặc tính gì?

- A. Độc lập với ý thức, có sinh ra và có mất đi
- B. Có giới hạn, có sinh ra và có mất đi
- C. Vô hạn, vô tận, vĩnh viễn tồn tại, độc lập với ý thức
- D. **Vô hạn, vĩnh viễn tồn tại không phụ thuộc vào cảm giác con người**

1.3.3. Khi nói vật chất là cái được cảm giác của chúng ta chép lại, phản ánh lại, về mặt nhận thức luận Lênin muốn khẳng định điều gì?

- A. Cảm giác, ý thức của chúng ta phụ thuộc thụ động vào thế giới vật chất
- B. Cảm giác, ý thức của chúng ta không thể phản ánh đúng thế giới vật chất
- C. **Cảm giác, ý thức của chúng ta có khả năng phản ánh đúng thế giới khách quan**
- D. Cảm giác, ý thức của chúng ta luôn luôn phản ánh đúng thế giới khách quan

1.3.4. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc mỗi liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng là từ đâu?

- A. Do lực lượng siêu nhiên (Thượng đế) sinh ra
- B. **Do tính thống nhất vật chất của thế giới**
- C. Do cảm giác thói quen của con người tạo ra.
- D. Do tư duy con người tạo ra rồi đưa vào tự nhiên và xã hội

1.3.5. Sai lầm của chủ nghĩa duy vật trước Mác là:

- A. **Đồng nhất vật chất với vật thể**
- B. Vật chất bị quyết định bởi ý thức
- C. Vật chất tồn tại khách quan
- D. Chưa có khoa học phát triển

1.3.6. Sự tác động qua lại giữa 2 hay nhiều hệ thống vật chất mà ở đó chúng lưu giữ hình ảnh, thông tin của nhau được khái quát bằng phạm trù nào?

- A. **Phản ánh**
- B. Tương tác
- C. Ảnh hưởng
- D. Tái tạo

1.3.7. Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin đứng im và vận động có quan hệ với nhau như thế nào?

- A. Đứng im tách rời vận động
- B. **Đứng im bao hàm vận động**
- C. Đứng im có quan hệ với vận động
- D. Có những sự vật chỉ có đứng im, còn những sự vật khác thì luôn vận động

1.3.8. Theo quan điểm triết học Mác – Lênin thì sự thống nhất của thế giới được thể hiện:

- A. Thế giới thống nhất ở một dạng cụ thể của vật chất
- B. Thế giới thống nhất ở lĩnh vực tư tưởng, tinh thần
- C. **Chỉ có một thế giới duy nhất và thống nhất là thế giới vật chất**
- D. Đó là sự thống nhất giữa ý thức và vật chất và do Thượng đế qui định

1.3.9. Khi nói vật chất là cái được cảm giác của chúng ta chép lại, phản ánh lại, về mặt nhận thức luận Lênin muốn khẳng định điều gì?

- A. Cảm giác, ý thức của chúng ta phụ thuộc thụ động vào thế giới vật chất
- B. Cảm giác, ý thức của chúng ta không thể phản ánh đúng thế giới vật chất
- C. **Cảm giác, ý thức của chúng ta có khả năng phản ánh đúng thế giới khách quan**
- D. Cảm giác, ý thức của chúng ta luôn luôn phản ánh đúng thế giới khách quan

1.3.10. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính sáng tạo của ý thức là thế nào?

- A. Ý thức tạo ra vật chất
- B. Ý thức tạo ra sự vật trong hiện thực
- C. **Ý thức tạo ra hình ảnh mới về sự vật trong tư duy**
- D. Ý thức phản ánh y nguyên hiện thực khách quan

CHƯƠNG 1+ 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

MỨC 1:

2.1.1. Phép biện chứng trải qua mấy hình thức cơ bản:

- A. 1
- B. 2
- C. **3**
- D. 4

2.1.2. “Phép biện chứng... là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy” đây là định nghĩa của:

- A. **Phép biện chứng duy vật**
- B. Phép biện chứng duy vật chất phác
- C. Phép biện chứng duy tâm
- D. Nguyên lý và quy luật

2.1.3. Nội dung của phép biện chứng duy vật gồm bao nhiêu nguyên lý cơ bản:

- A. **2**
- B. 1
- C. 3
- D. 4

2.1.4. Nội dung của phép biện chứng duy vật gồm bao nhiêu quy luật cơ bản:

- A. 2
- B. 1
- C. **3**
- D. 4

2.1.5. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, mối liên hệ giữa các sự vật có tính chất gì?

- A. **Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng**
- B. Tính khách quan, đa dạng
- C. Tính ngẫu nhiên, chủ quan
- D. Tính khách quan, tính phổ biến, tính kế thừa

- 2.1.6. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự phát triển của các sự vật có tính chất gì?
- Tính khách quan, đa dạng
 - Tính ngẫu nhiên, chủ quan
 - Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng**
 - Tính khách quan, tính phổ biến, tính kế thừa
- 2.1.7. “...Các mặt đối lập liên hệ với nhau, thâm nhập vào nhau, tác động qua lại lẫn nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau, nhưng lại bài trừ, phủ định lẫn nhau”. Đó là khái niệm nào sau đây:
- Lượng – chất
 - Mâu thuẫn biện chứng**
 - Phủ định biện chứng
 - Mặt đối lập
- 2.1.8. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng sự thống nhất giữa các mặt đối lập có những biểu hiện gì?
- Sự cùng tồn tại, nương tựa nhau**
 - Sự đồng nhất, có những điểm chung giữa hai mặt đối lập
 - Sự tác động ngang bằng nhau
 - Sự bài trừ phủ định nhau
- 2.1.9. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: sự thống nhất giữa lượng và chất được thể hiện trong phạm trù nào?
- Phạm trù độ**
 - Phạm trù điểm nút
 - Phạm trù bước nhảy vọt
 - Phạm trù vật chất
- 2.1.10. Khái niệm nào dùng để chỉ tính rộng khắp, có ở mọi nơi của các mối liên hệ của các sự vật hiện tượng?
- Mối liên hệ phổ biến**
 - Mối liên hệ
 - Mối quan hệ phổ biến
 - Mối quan hệ
- 2.1.11. Trong phép biện chứng, *mối liên hệ* là:
- Mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng
 - Sự tác động qua lại giữa các sự vật, hiện tượng
 - Sự quy định, tác động và chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng**
 - Tính phổ biến giữa các sự vật, hiện tượng
- 2.1.12. “Độ” là khái niệm dùng để chỉ:
- Sự thay đổi từ chất cũ sang chất mới
 - Thời điểm diễn ra sự thay đổi về chất của sự vật, hiện tượng
 - Là khoảng giới hạn trong đó lượng biến đổi nhưng chất chưa biến đổi**
 - Là khoảng giới hạn trong đó lượng biến đổi dẫn đến chất biến đổi
- 2.1.13. “Bước nhảy” là khái niệm dùng để chỉ:
- Mối quan hệ giữa chất và lượng
 - Sự thay đổi từ chất cũ sang chất mới**
 - Thời điểm diễn ra sự thay đổi về chất của sự vật, hiện tượng
 - Sự thống nhất biện chứng giữa chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
- 2.1.14. Theo qui luật lượng – chất tính quy định nói lên qui mô trình độ phát triển của sự vật hiện tượng được gọi là gì?
- Chất
 - Lượng**
 - Độ
 - Điểm nút

- 2.1.15. Theo qui luật lượng – chất tính quy định nói lên sự thống nhất hữu cơ giữa các bộ phận cấu thành của sự vật hiện tượng được gọi là gì?
- A. Chất**
 - B. Lượng
 - C. Độ
 - D. Điểm nút
- 2.1.16. Theo qui luật lượng – chất, giới hạn mà ở đó lượng thay đổi dẫn đến chất thay đổi được gọi là gì?
- A. Điểm nút**
 - B. Độ
 - C. Bước nhảy
 - D. Điểm nút
- 2.1.17. Sự tự phủ định để đưa sự vật dường như quay lại điểm xuất phát ban đầu trong phép biện chứng được gọi là gì?
- A. Phủ định biện chứng
 - B. Phủ định của phủ định**
 - C. Chuyển hóa
 - D. Phủ định siêu hình
- 2.1.18. Phủ định biện chứng là :
- A. Sự thay thế sự vật này bằng sự vật khác trong quá trình vận động và phát triển
 - B. Sự phủ định có tính khách quan và tính kế thừa**
 - C. Sự phủ định có sự tác động của sự vật khác
 - D. Phủ định làm cho sự vật vận động thụt lùi, đi xuống
- 2.1.19. Chất của sự vật là :
- A. Bất kỳ thuộc tính nào của sự vật
 - B. Thuộc tính cơ bản của sự vật
 - C. Tổng hợp các thuộc tính cơ bản của sự vật**
 - D. trình độ quy mô của sự vật
- 2.1.20. Toàn bộ các hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử – xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội được gọi là:
- A. Lao động
 - B. Sản xuất
 - C. Thực tiễn**
 - D. Nhận thức
- 2.1.21. Triết học Mác - Lênin cho rằng chủ thể nhận thức là:
- A. Một người
 - B. Động vật có hệ thần kinh trung ương
 - C. Một tập thể
 - D. Con người**
- 2.1.22. Triết học Mác - Lênin cho rằng khách thể nhận thức là:
- A. Thế giới vật chất
 - B. Thế giới tinh thần
 - C. Hiện thực khách quan
 - D. Hiện thực khách quan nằm trong phạm vi hoạt động của con người**
- 2.1.23. Sự phù hợp giữa tri thức với hiện thực khách quan được thực tiễn kiểm nghiệm gọi là:
- A. Chân lý**
 - B. Tri thức lý luận
 - C. Tri thức kinh nghiệm
 - D. Tri thức thông thường
- 2.1.24. Nhận thức cảm tính được thực hiện dưới các hình thức nào?
- A. Khái niệm và phán đoán
 - B. Cảm giác, tri giác và biểu tượng**
 - C. Cảm giác, tri giác và khái niệm
 - D. Khái niệm, phán đoán và suy lý

- 2.1.25. **Nhận thức lý tính được thực hiện dưới các hình thức nào?**
- Khái niệm, phán đoán và suy lý**
 - Cảm giác, tri giác và biểu tượng
 - Cảm giác, tri giác và khái niệm
 - Khái niệm, tri giác và suy lý
- 2.1.26. **Khái niệm là hình thức nhận thức của giai đoạn nào?**
- Nhận thức cảm tính
 - Nhận thức lý tính**
 - Nhận thức kinh nghiệm
 - Nhận thức lý luận
- 2.1.27. **Sự vận dụng các khái niệm để khẳng định hoặc phủ định một thuộc tính, một mối liên hệ nào đó của hiện thực khách quan gọi là:**
- Tưởng tượng
 - Tổng hợp
 - Phán đoán**
 - Suy lý
- 2.1.28. **Hình thức nào là hình thức đầu tiên của giai đoạn trực quan sinh động?**
- Khái niệm
 - Cảm giác**
 - Biểu tượng
 - Tri giác
- 2.1.29. **Tiêu chuẩn của chân lý theo quan điểm của triết học Mác – Lênin là gì?**
- Thực tiễn**
 - Khoa học
 - Nhận thức
 - Hiện thực khách quan
- 2.1.30. **Điền vào chỗ trống cho đúng định nghĩa sau: “Nhận thức là thế giới khách quan vào trong đầu óc con người một cách năng động sáng tạo trên cơ sở thực tiễn.**
- quá trình phản ánh**
 - sự phản ánh
 - sự ghi chép
 - sự tác động của
- 2.1.31. **Quan điểm của Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý là gì?**
- Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn.**
 - Từ tư duy trừu tượng đến trực quan sinh động, và từ trực quan sinh động đến thực tiễn.
 - Từ nhận thức lý tính đến nhận thức cảm tính, và từ nhận thức cảm tính, đến thực tiễn.
 - Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng.
- 2.1.32. **Mâu thuẫn đối kháng là mâu thuẫn chỉ tồn tại trong đâu?**
- Tự nhiên
 - Xã hội tư bản
 - Xã hội loài người
 - Xã hội loài người có phân chia giai cấp**
- 2.1.33. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng các mặt đối lập do đâu mà có?**
- Do ý thức cảm giác của con người tạo ra
 - Do thần linh, thượng đế tạo ra
 - Do lao động của con người tạo ra
 - Vốn có của thế giới vật chất, không do ai sinh ra**
- 2.1.34. **“Phép biện chứng duy vật” bao gồm những nguyên lý cơ bản nào?**
- Nguyên lý về mối liên hệ .
 - Nguyên lý về tính hệ thống , cấu trúc
 - Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến,và sự phát triển**
 - Nguyên lý về sự vận động và sự phát triển .

- 2.1.35. Trong qui luật phủ định của phủ định, sự thay thế sự vật này bằng sự vật kia (ví dụ: nụ thành hoa, hoa thành quả....) được gọi là gì?
- A. Vận động
 - B. Tồn tại
 - C. Mâu thuẫn
 - D. **Phủ định biện chứng**

MỨC 2:

- 2.2.1. Khoảng giới hạn trong đó lượng biến đổi nhưng chất chưa biến đổi được khái quát bằng phạm trù gì?
- A. **Độ**
 - B. Lượng
 - C. Chất
 - D. Bước nhảy
- 2.2.2. Sự thay đổi từ chất cũ sang chất mới được khái quát bằng phạm trù gì?
- A. Độ
 - B. Lượng
 - C. Chất
 - D. **Bước nhảy**
- 2.2.3. Qui luật phủ định của phủ định chỉ rõ sự phát triển là khuynh hướng chung, tất yếu của các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Song quá trình đó diễn ra như thế nào?
- A. Theo đường thẳng
 - B. Theo đường tròn khép kín
 - C. **Theo đường xoáy ốc**
 - D. Một cách tuần tự từ thấp đến cao
- 2.2.4. Quá trình chuyển biến từ vượn thành người trong lịch sử xã hội loài người. Quá trình này thể hiện:
- A. Bước nhảy toàn bộ
 - B. Bước nhảy cục bộ
 - C. Bước nhảy đột biến
 - D. **Bước nhảy dần dần**
- 2.2.5. Trong quy luật mâu thuẫn, tính qui định về chất và tính qui định về lượng được gọi là gì?
- A. **Hai mặt đối lập**
 - B. Hai sự vật
 - C. Hai quá trình
 - D. Hai thuộc tính
- 2.2.6. Cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện là:
- A. **Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**
 - B. Nguyên lý về sự phát triển
 - C. Quy luật Lượng –chất
 - D. Quy luật mâu thuẫn
- 2.2.7. cơ sở lý luận của quan điểm phát triển là:
- A. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
 - B. **Nguyên lý về sự phát triển**
 - C. Quy luật Lượng –chất
 - D. Quy luật mâu thuẫn
- 2.2.8. Phủ định làm cho sự vật vận động thụt lùi, đi xuống, tan rã, nó không tạo điều kiện cho sự phát triển. Đó là:
- A. Phủ định của phủ định
 - B. Phủ định biện chứng
 - C. **Phủ định siêu hình**
 - D. Phủ định vô tận

- 2.2.9. Mâu thuẫn nào trong số các mâu thuẫn sau đây là mâu thuẫn cơ bản :
- Mâu thuẫn quy định bản chất của sự vật, tồn tại từ đầu đến cuối trong suốt quá trình tồn tại, phát triển của sự vật. Khi mâu thuẫn này được giải quyết thì làm thay đổi căn bản chất của sự vật**
 - Mâu thuẫn chỉ đặc trưng cho một phương diện nào đó của sự vật
 - Mâu thuẫn nổi lên hàng đầu và chi phối các mâu thuẫn khác trong giai đoạn phát triển nhất định của sự vật
 - Mâu thuẫn quy định bản chất của sự vật
- 2.2.10. Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được khái niệm về chân lý: “Chân lý là những..... (1)..... phù hợp với hiện thực khách quan và được.....(2)..... kiểm nghiệm”
- (1)- cảm giác của con người; (2) – ý niệm tuyệt đối
 - (1) - tri thức ; (2) – thực tiễn.**
 - (1) - ý kiến; (2) - nhiều người
 - (1) - kiến thức; (2) - nhiều người
- 2.2.11. Hình thức nào của tư duy trừu tượng là hình thức liên kết các khái niệm?
- Phán đoán**
 - Suy lý
 - Tri giác
 - Biểu tượng
- 2.2.12. Hình thức nào của tư duy trừu tượng là hình thức liên kết các phán đoán?
- Khái niệm
 - Suy lý**
 - Tri giác
 - Biểu tượng
- 2.2.13. Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để có được định nghĩa về phạm trù thực tiễn : “Thực tiễn là toàn bộ những của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội”
- hoạt động
 - hoạt động vật chất
 - hoạt động có mục đích
 - hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử – xã hội**
- 2.2.14. Hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản nhất qui định các hình thức hoạt động khác là hình thức nào sau đây:
- Hoạt động sản xuất vật chất**
 - Hoạt động chính trị xã hội
 - Hoạt động quan sát và thực nghiệm khoa học
 - Hoạt động chính trị
- 2.2.15. Nhận thức của con người hình thành và phát triển là từ:
- Lao động
 - Hoạt động xã hội
 - Hoạt động nhận thức
 - Thực tiễn**
- 2.2.16. Trình độ nhận thức nào được hình thành từ sự quan sát trực tiếp các sự vật hiện tượng trong giới tự nhiên, xã hội hoặc qua các thí nghiệm khoa học?
- Nhận thức kinh nghiệm**
 - Nhận thức lý luận
 - Nhận thức thông thường
 - Nhận thức khoa học
- 2.2.17. Trình độ nhận thức nào gián tiếp trừu tượng, có tính hệ thống trong việc khái quát bản chất, quy luật của các sự vật hiện tượng ?
- Nhận thức kinh nghiệm
 - Nhận thức lý luận**
 - Nhận thức thông thường
 - Nhận thức khoa học

- 2.2.18. Trình độ nhận thức nào được hình thành một cách tự phát, trực tiếp từ hoạt động hằng ngày, có vai trò thường xuyên và phổ biến chi phối hoạt động của mọi người trong xã hội ?
- Nhận thức kinh nghiệm
 - Nhận thức lý luận
 - Nhận thức thông thường**
 - Nhận thức khoa học
- 2.2.19. Nhận thức nào được hình thành một cách tự giác và gián tiếp từ sự phản ánh đặc điểm, bản chất, những quan hệ tất yếu của đối tượng nghiên cứu?
- Nhận thức kinh nghiệm
 - Nhận thức lý luận
 - Nhận thức thông thường
 - Nhận thức khoa học**
- 2.2.20. Trong xã hội sự phát triển biểu hiện ra như thế nào?
- Sự xuất hiện các hợp chất mới
 - Sự xuất hiện các thành tựu khoa học kỹ thuật
 - Sự xuất hiện các giống loài động vật, thực vật mới thích ứng tốt hơn với môi trường
 - Sự thay thế chế độ xã hội này bằng một chế độ xã hội khác dân chủ, văn minh hơn**
- 2.2.21. Cách mạng tháng 8/1945 của VN là bước nhảy gì?
- Lớn, Dần dần.
 - Nhỏ, Cục bộ.
 - Lớn, toàn bộ, đột biến.**
 - Lớn, Đột biến.

MỨC 3:

- 2.3.1. Hai mặt đối lập ràng buộc nhau, tạo tiền đề tồn tại cho nhau, trong triết học gọi là gì?
- Sự đấu tranh của hai mặt đối lập
 - Sự thống nhất của hai mặt đối lập**
 - Sự chuyển hóa của hai mặt đối lập
 - Sự cân bằng của hai mặt đối lập
- 2.3.2. **Quy luật mâu thuẫn chỉ ra:**
- Xu hướng của sự phát triển
 - Cách thức của sự phát triển
 - Nguồn gốc, động lực của sự phát triển**
 - Tính chất của sự phát triển
- 2.3.3. **Quy luật lượng - chất chỉ ra:**
- Cách thức của sự vận động phát triển**
 - Tính chất của sự vận động phát triển
 - Khuynh hướng của sự vận động phát triển
 - Nguồn gốc, động lực của sự phát triển
- 2.3.4. **Quy luật phủ định của phủ định chỉ ra:**
- Cách thức của sự vận động phát triển
 - Tính chất của sự vận động phát triển
 - Khuynh hướng của sự vận động phát triển**
 - Nguồn gốc, động lực của sự phát triển
- 2.3.5. **Thành ngữ: “Nước chảy đá mòn” là sự vận dụng nguyên lý/quy luật nào?**
- Quy luật lượng – chất**
 - Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
 - Quy luật phủ định của phủ định
 - Nguyên lý về sự phát triển
- 2.3.6. **Thành ngữ: “Bức dây động rừng” là sự vận dụng nguyên lý/quy luật nào?**
- Nguyên lý về sự phát triển
 - Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**
 - Quy luật lượng – chất
 - Quy luật phủ định của phủ định

- 2.3.7. **Sự tác động theo xu hướng nào thì được gọi là sự đấu tranh của các mặt đối lập?**
- Ràng buộc nhau
 - Phủ định bài trừ nhau**
 - Nương tựa nhau
 - Chuyển hóa nhau
- 2.3.8. **Định lý hình học “Tổng các góc trong của một tam giác bằng 180^0 ” xét đến cùng được rút ra từ đâu?**
- Nhận thức
 - Cảm giác
 - Suy luận
 - Thực tiễn**
- 2.3.9. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?**
- Chân lý có tính khách quan
 - Chân lý có tính tương đối
 - Chân lý có tính trừu tượng**
 - Chân lý có tính cụ thể
- 2.3.10. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?**
- Nhận thức cảm tính gắn liền với thực tiễn**
 - Nhận thức cảm tính chưa phân biệt được cái bản chất với cái không bản chất
 - Nhận thức cảm tính chưa phản ánh đầy đủ và sâu sắc sự vật
 - Nhận thức cảm tính chưa thấy được bản chất, đặc tính chung nhất của sự vật
- 2.3.11. **“Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” là quan điểm của nhận thức nào?**
- Nhận thức cảm tính
 - Nhận thức lý tính**
 - Nhận thức khoa học
 - Nhận thức lý luận
- 2.3.12. **Trong lý luận về mâu thuẫn, người ta gọi quá trình đồng hóa và dị hóa trong cơ thể sống là gì?**
- Những sự vật
 - Hai yếu tố
 - Những thuộc tính
 - Hai mặt đối lập**
- 2.3.13. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các mối liên hệ có vai trò như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật?**
- Có vai trò ngang bằng nhau
 - Có vai trò khác nhau, cần phải xem xét mọi mối liên hệ**
 - Có vai trò khác nhau, nên chỉ cần biết một số mối liên hệ
 - Có vai trò quan trọng như nhau mọi lúc, mọi nơi
- 2.3.14. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây sai?**
- Chất là tính qui định vốn có của sự vật
 - Chất đồng nhất với thuộc tính**
 - Chất là tổng hợp hữu cơ các thuộc tính của sự vật nói lên sự vật là cái gì
 - Lượng tồn tại khách quan gắn liền với sự vật
- 2.3.15. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây sai?**
- Mặt đối lập là những mặt có đặc điểm trái ngược nhau
 - Mặt đối lập tồn tại khách quan trong các sự vật
 - Mặt đối lập là vốn có của các sự vật, hiện tượng
 - Mặt đối lập không nhất thiết phải gắn liền với sự vật**
- 2.3.16. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các mối liên hệ có vai trò như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật?**
- Có vai trò ngang bằng nhau
 - Có vai trò khác nhau, cần phải xem xét mọi mối liên hệ**
 - Có vai trò khác nhau, nên chỉ cần biết một số mối liên hệ
 - Có vai trò quan trọng như nhau mọi lúc, mọi nơi

- 2.3.17. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?
- A. Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về lượng
 - B. Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về chất
 - C. **Quá trình phát triển của sự vật là quá trình chuyển hóa từ sự thay đổi dần dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại**
 - D. Phát triển là sự thay đổi về chất dẫn đến thay đổi về lượng và ngược lại
- 2.3.18. Theo quan điểm triết học Mác – Lênin, chất của sự vật, hiện tượng sẽ thay đổi khi:
- A. Có sự biến đổi về lượng của sự vật, hiện tượng
 - B. **Sự biến đổi về lượng của sự vật, hiện tượng đạt đến giới hạn điểm nút**
 - C. Có mâu thuẫn giữa chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
 - D. Diễn ra sự đấu tranh giữa hai mặt chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
- 2.3.19. Theo quan điểm triết học Mác – Lênin, chất của sự vật, hiện tượng sẽ thay đổi khi:
- A. Có sự biến đổi về lượng của sự vật, hiện tượng
 - B. **Sự biến đổi về lượng của sự vật, hiện tượng đạt đến giới hạn điểm nút**
 - C. Có mâu thuẫn giữa chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
 - D. Diễn ra sự đấu tranh giữa hai mặt chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
- 2.3.20. Theo anh (chị) bệnh chủ quan, duy ý chí biểu hiện như thế nào?
- A. chỉ căn cứ vào kinh nghiệm lịch sử để định ra chiến lược và sách lược
 - B. chỉ căn cứ vào quy luật khách quan để định ra chiến lược và sách lược
 - C. chỉ căn cứ vào kinh nghiệm của người khác để định ra chiến lược và sách lược
 - D. **chỉ căn cứ vào mong muốn chủ quan để định ra chiến lược và sách lược**

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

MỨC 1:

- 3.1.1. Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ giữa:
- A. Con người với con người
 - B. **Con người với giới tự nhiên**
 - C. Con người với tư liệu sản xuất
 - D. Con người với xã hội
- 3.1.2. Quan hệ sản xuất bao gồm:
- A. Tất cả các quan hệ giữa con người với con người trong xã hội
 - B. Tất cả các quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất, lưu thông và tiêu dùng hàng hóa.
 - C. **Tất cả các quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất.**
 - D. Tất cả các quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất.
- 3.1.3. Cơ sở hạ tầng của xã hội là:
- A. Đường xá, cầu cống, sân bay, bến cảng
 - B. Toàn bộ cơ sở vật chất của xã hội
 - C. **Toàn bộ quan hệ sản xuất hợp thành cơ sở kinh tế của xã hội**
 - D. Toàn bộ quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất
- 3.1.4. Phương thức sản xuất là gì ?
- A. Cách thức con người quan hệ với tự nhiên.
 - B. Cách thức tái sản xuất giống loài.
 - C. Cách thức con người quan hệ với nhau trong sản xuất.
 - D. **Cách thức của con người thực hiện sản xuất vật chất ở mỗi giai đoạn lịch sử.**
- 3.1.5. Phương thức sản xuất gồm:
- A. **Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất**
 - B. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và cơ sở hạ tầng
 - C. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
 - D. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng

- 3.1.6. **Kiến trúc thượng tầng là gì?**
- A. Các quan hệ sản xuất hiện có trong xã hội
 - B. Hệ tư tưởng của giai cấp thống trị
 - C. Cơ sở kinh tế của xã hội
 - D. **Những quan điểm, tư tưởng và các thiết chế của xã hội được hình thành trên cơ sở hạ tầng.**
- 3.1.7. **Tư liệu sản xuất bao gồm:**
- A. Con người và công cụ lao động
 - B. Con người lao động, công cụ lao động và đối tượng lao động.
 - C. **Đối tượng lao động và tư liệu lao động**
 - D. Công cụ lao động và tư liệu lao động
- 3.1.8. **Yếu tố cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất:**
- A. Đối tượng lao động
 - B. Phương tiện lao động
 - C. **Công cụ lao động**
 - D. Tư liệu lao động
- 3.1.9. **Trong mỗi quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất, loại quan hệ nào giữ vai trò quyết định các loại quan hệ còn lại:**
- A. **Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất**
 - B. Quan hệ tổ chức quản lý quá trình sản xuất
 - C. Quan hệ phân phối sản phẩm làm ra
 - D. Quan hệ giữa người quản lý và người làm thuê
- 3.1.10. **Mặt tự nhiên của phương thức sản xuất là gì?**
- A. Quan hệ sản xuất
 - B. Kiến trúc thượng tầng
 - C. Cơ sở hạ tầng
 - D. **Lực lượng sản xuất**
- 3.1.11. **Mặt xã hội của phương thức sản xuất là gì?**
- A. **Quan hệ sản xuất**
 - B. Kiến trúc thượng tầng
 - C. Cơ sở hạ tầng
 - D. Lực lượng sản xuất
- 3.1.12. **Mâu thuẫn đối kháng tồn tại ở đâu?**
- A. Tư duy
 - B. Tự nhiên, xã hội và tư duy
 - C. Tự nhiên
 - D. **Xã hội có giai cấp đối kháng**
- 3.1.13. **Cách viết nào sau đây là đúng:**
- A. **Hình thái kinh tế – xã hội**
 - B. Hình thái xã hội
 - C. Hình thái kinh tế của xã hội
 - D. Hình thái kinh tế, xã hội
- 3.1.14. **Yếu tố giữ vai trò quyết định trong lực lượng sản xuất là:**
- A. Công cụ lao động
 - B. **Người lao động**
 - C. Khoa học - công nghệ
 - D. Phương tiện lao động
- 3.1.15. **“Trình độ phát triển của công cụ lao động, của khoa học công nghệ, khoa học kỹ thuật, phân công lao động và người lao động”. Đó là khái niệm nào?**
- A. Tính chất của lực lượng sản xuất
 - B. Cơ sở hạ tầng
 - C. Kiến trúc thượng tầng
 - D. **Trình độ của lực lượng sản xuất**

- 3.1.16. **Hãy chọn phán đoán đúng về khái niệm Cách mạng?**
- A. Cách mạng là sự thay đổi của xã hội
 - B. Cách mạng là sự vận động của xã hội.
 - C. Cách mạng là sự thay đổi trong đó chất của sự vật biến đổi căn bản không phụ thuộc vào hình thức biến đổi của nó.**
 - D. Cách mạng là sự thay đổi về lượng với những biến đổi nhất định về chất.
- 3.1.17. **Bản chất của con người là:**
- A. Tổng hợp các quan hệ xã hội
 - B. Do thượng đế quyết định.
 - C. Do di truyền tộc loại.
 - D. Tổng hòa các quan hệ xã hội**
- 3.1.18. **Vai trò quyết định lịch sử thuộc về ai?**
- A. Các lãnh tụ, các vĩ nhân.
 - B. Quần chúng nhân dân.**
 - C. Những lực lượng siêu nhiên.
 - D. Giai cấp thống trị.
- 3.1.19. **Nguyên nhân sâu xa của việc ra đời giai cấp thuộc lĩnh vực nào?**
- A. Lĩnh vực quyền lực chính trị
 - B. Lĩnh vực kinh tế**
 - C. Lĩnh vực tôn giáo
 - D. Lĩnh vực xã hội
- 3.1.20. **Bộ phận có vai trò quan trọng và hiệu lực mạnh mẽ của kiến trúc thượng tầng trong sự tác động trở lại cơ sở hạ tầng là:**
- A. Tôn giáo
 - B. Nhà nước**
 - C. Đạo đức
 - D. Triết học
- 3.1.21. **Để đảm bảo sự phát triển hài hòa của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và:**
- A. Trình độ của người lao động
 - B. Trình độ của lực lượng sản xuất**
 - C. Trình độ phát triển của công cụ lao động
 - D. Trình độ tư liệu sản xuất
- 3.1.22. **Tính chất của lực lượng sản xuất là:**
- A. Tính chất hiện đại và tính chất cá nhân
 - B. Tính chất cá nhân và tính chất xã hội hoá.**
 - C. Tính chất xã hội hóa và tính chất hiện đại.
 - D. Tính chất xã hội và tính chất hiện đại
- 3.1.23. **Đặc điểm nổi bật của tâm lý xã hội là:**
- A. Phản ánh khái quát đời sống xã hội
 - B. Phản ánh trực tiếp điều kiện sinh sống hàng ngày**
 - C. Phản ánh bản chất của tồn tại xã hội
 - D. Phản ánh tình cảm, tâm trạng của một cộng đồng người
- 3.1.24. **Điều kiện nào có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của tồn tại xã hội:**
- A. Điều kiện địa lý tự nhiên
 - B. Điều kiện dân số, mật độ dân số
 - C. Phương thức sản xuất**
 - D. Điều kiện địa lý tự nhiên, mật độ dân số và phương thức sản xuất
- 3.1.25. **Trong định nghĩa về giai cấp của Lênin, đặc trưng nào quan trọng nhất?**
- A. Giai cấp có mối quan hệ khác nhau đối với tư liệu sản xuất.**
 - B. Những tập đoàn người có địa vị khác nhau
 - C. Có vai trò khác nhau trong tổ chức lao động xã hội
 - D. Có sự khác nhau về phương thức và quy mô thu nhập

- 3.1.26. **Sự phân chia giai cấp trong xã hội bắt đầu từ hình thái kinh tế – xã hội nào?**
- Cộng sản nguyên thủy
 - Phong kiến
 - Chiếm hữu nô lệ**
 - Tư bản chủ nghĩa.
- 3.1.27. **Sản xuất vật chất là :**
- Quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên nhằm tạo ra của cải vật chất thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.**
 - Cách thức con người thực hiện quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người .
 - Con người tham gia vào quá trình sản xuất vật chất.
 - Hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người
- 3.1.28. **Công cụ lao động là :**
- Những vật đóng vai trò trung gian để tải sức của người lao động vào những vật chất khác trong quá trình sản xuất vật chất.**
 - Những vật hỗ trợ con người vận chuyển, bảo quản trong quá trình sản xuất vật chất.
 - Những vật nhận sự tác động của công cụ lao động trong quá trình sản xuất vật chất.
 - Quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất .
- 3.1.29. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đời sống tinh thần của con người được diễn đạt bằng phạm trù nào?**
- Tồn tại xã hội
 - Đời sống ý thức
 - Ý thức tâm linh
 - Ý thức xã hội**
- 3.1.30. **Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội là vấn đề gì?**
- Tiêu diệt giai cấp thống trị
 - Giành chính quyền**
 - Xây dựng lực lượng vũ trang
 - Cải cách chính quyền

MỨC 2:

- 3.2.1. **Sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất ở một trình độ nhất định và quan hệ sản xuất tương ứng tạo thành :**
- Hình thái kinh tế - xã hội
 - Phương thức sản xuất**
 - Cơ sở hạ tầng
 - Kiến trúc thượng tầng
- 3.2.2. **Chọn phán đoán sai về các yếu tố của quan hệ sản xuất**
- Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất.
 - Quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất.
 - Quan hệ về mọi mặt giữa người lao động và ông chủ.**
 - Quan hệ trong phân phối sản phẩm lao động.
- 3.2.3. **Chọn phán đoán đúng về quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất:**
- Vai trò quyết định thuộc về lực lượng sản xuất hay quan hệ sản xuất là tùy thuộc vào điều kiện cụ thể
 - Quan hệ sản xuất quyết định lực lượng sản xuất
 - Không cái nào quyết định cái nào
 - Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất**
- 3.2.4. **Nguyên nhân sâu xa của Cách mạng xã hội ?**
- Mâu thuẫn về quan điểm giữa những lực lượng chính trị khác nhau trong xã hội
 - Mâu thuẫn giữa giai cấp cách mạng và phản cách mạng
 - Mâu thuẫn giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội
 - Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất**

- 3.2.5. **Cấu trúc của một hình thái kinh tế – xã hội gồm các yếu tố cơ bản hợp thành:**
- A. Lĩnh vực vật chất và lĩnh vực tinh thần
 - B. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
 - C. Quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng**
 - D. Quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- 3.2.6. **Tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các chế độ xã hội trong lịch sử?**
- A. Lực lượng sản xuất
 - B. Quan hệ sản xuất đặc trưng**
 - C. Chính trị tư tưởng
 - D. Phương thức sản xuất
- 3.2.7. **Các nội dung sau thuộc kiến trúc thượng tầng nước ta hiện nay, ngoại trừ:**
- A. Chủ nghĩa Mác – Lênin
 - B. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 - C. Tư tưởng Hồ Chí Minh
 - D. Thành phần kinh tế nhà nước**
- 3.2.8. **Trong các nhân tố tất yếu của sản xuất và đời sống, nhân tố giữ vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội là:**
- A. Tài nguyên
 - B. Điều kiện dân số
 - C. Khoa học kỹ thuật
 - D. Phương thức sản xuất**
- 3.2.9. **Đời sống tinh thần của con người, theo quan điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng được diễn đạt bằng khái niệm:**
- A. Tồn tại xã hội
 - B. Đời sống tâm linh
 - C. Đời sống ý thức
 - D. Ý thức xã hội**
- 3.2.10. **Hệ tư tưởng được biểu hiện cụ thể là:**
- A. Tình cảm, tâm trạng
 - B. Học thuyết Mác – Lênin**
 - C. Thói quen, thái độ
 - D. Ước muốn, động cơ.
- 3.2.11. **Tâm lý xã hội và hệ tư tưởng là hai cấp độ phản ánh khác nhau của:**
- A. Tồn tại xã hội
 - B. Ý thức xã hội**
 - C. Kiến trúc thượng tầng
 - D. Cơ sở hạ tầng.
- 3.2.12. **Mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp là do:**
- A. Sự khác nhau về tư tưởng, lối sống
 - B. Sự đối lập về lợi ích cơ bản – lợi ích kinh tế**
 - C. Sự khác nhau giữa giàu và nghèo
 - D. Sự khác nhau về mức thu nhập.
- 3.2.13. **Cấu trúc của Kiến trúc thượng tầng gồm:**
- A. Đảng phái, nhà nước xây dựng trên quan hệ sản xuất nhất định.
 - B. Toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật...
 - C. Những thiết chế xã hội như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể xã hội...
 - D. Toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật... Những thiết chế xã hội tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể...**
- 3.2.14. **Đấu tranh giai cấp trong lịch sử nhân loại giữ vai trò gì?**

- A. Động lực cơ bản của sự phát triển xã hội
 - B. Thay thế các hình thái kinh tế – xã hội từ thấp tới cao
 - C. **Một động lực quan trọng của sự phát triển xã hội trong các xã hội có giai cấp**
 - D. Lật đổ ách thống trị của giai cấp thống trị.
- 3.2.15. **Kết cấu giai cấp trong xã hội có giai cấp gồm:**
- A. Các giai cấp cơ bản
 - B. Các giai cấp cơ bản và giai cấp không cơ bản
 - C. **Các giai cấp cơ bản, giai cấp không cơ bản và tầng lớp trung gian**
 - D. Các giai cấp đối kháng.
- 3.2.16. **Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản là hình thức đấu tranh:**
- A. Tư tưởng
 - B. Chính trị
 - C. **Kinh tế**
 - D. Vũ trang.
- 3.2.17. **Trong các đặc trưng của giai cấp, đặc trưng nào giữ vai trò chi phối các đặc trưng còn lại?**
- A. Tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác
 - B. **Khác nhau về quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất xã hội**
 - C. Khác nhau về vai trò trong tổ chức lao động xã hội
 - D. Khác nhau về địa vị trong hệ thống tổ chức xã hội.
- 3.2.18. **Giai cấp thống trị về kinh tế trong xã hội trở thành giai cấp thống trị về chính trị nhờ:**
- A. Hệ thống luật pháp
 - B. Hệ tư tưởng
 - C. **Nhà nước**
 - D. Vị thế chính trị.
- 3.2.19. **Nguyên nhân sâu xa nhất của cách mạng xã hội là:**
- A. Nguyên nhân chính trị
 - B. **Nguyên nhân kinh tế**
 - C. Nguyên nhân tư tưởng
 - D. Nguyên nhân tâm lý
- 3.2.20. **Bản chất của con người được quyết định bởi:**
- A. **Các mối quan hệ xã hội**
 - B. Nỗ lực của mỗi cá nhân
 - C. Giáo dục của gia đình và nhà trường
 - D. Hoàn cảnh xã hội

MỨC 3:

- 3.3.1. **Cuộc cách mạng nào sau đây là cách mạng xã hội?**
- A. CM văn hóa ở Trung hoa.
 - B. CM xanh ở Ấn Độ.
 - C. CM Khoa học kỹ thuật ở Mỹ
 - D. CM Nga 1917.
- 3.3.2. **Vai trò của quần chúng nhân dân anh hùng lãnh tụ?**
- A. “Anh hùng tạo nên thời thế”. Vì không có lãnh tụ tài ba thì cách mạng không thể thắng lợi.
 - B. **“Thời thế tạo nên anh hùng” vì anh hùng lãnh tụ là sản phẩm của thời đại, được quần chúng tôn vinh và nguyện hy sinh quên mình cho lợi ích của quần chúng.**
 - C. Anh hùng, vĩ nhân do trời ban cho.
 - D. Lãnh tụ, vĩ nhân là những người kiệt xuất không bao giờ có khuyết điểm.
- 3.3.3. **Tư tưởng “trọng nam khinh nữ” trong thời đại hiện nay thể hiện tính chất gì của ý thức xã hội?**

2.2.18. Trình độ nhận thức nào được hình thành một cách tự phát, trực tiếp từ hoạt động hằng ngày, có vai trò thường xuyên và phổ biến chi phối hoạt động của mọi người trong xã hội ?

- A. Nhận thức kinh nghiệm
- B. Nhận thức lý luận
- C. Nhận thức thông thường**
- D. Nhận thức khoa học

2.2.19. Nhận thức nào được hình thành một cách tự giác và gián tiếp từ sự phản ánh đặc điểm, bản chất, những quan hệ tất yếu của đối tượng nghiên cứu?

- A. Nhận thức kinh nghiệm
- B. Nhận thức lý luận
- C. Nhận thức thông thường
- D. Nhận thức khoa học**

2.2.20. Trong xã hội sự phát triển biểu hiện ra như thế nào?

- A. Sự xuất hiện các hợp chất mới
- B. Sự xuất hiện các thành tựu khoa học kỹ thuật
- C. Sự xuất hiện các giống loài động vật, thực vật mới thích ứng tốt hơn với môi trường
- D. Sự thay thế chế độ xã hội này bằng một chế độ xã hội khác dân chủ, văn minh hơn**

2.2.21. Cách mạng tháng 8/1945 của VN là bước nhảy gì?

- A. Lớn, Dần dần.
- B. Nhỏ, Cục bộ.
- C. **Lớn, toàn bộ, đột biến.**
- D. Lớn, Đột biến.

MỨC 3:

2.3.1. Hai mặt đối lập ràng buộc nhau, tạo tiền đề tồn tại cho nhau, trong triết học gọi là gì?

- A. Sự đấu tranh của hai mặt đối lập
- B. **Sự thống nhất của hai mặt đối lập**
- C. Sự chuyển hóa của hai mặt đối lập
- D. Sự cân bằng của hai mặt đối lập

2.3.2. **Quy luật mâu thuẫn chỉ ra:**

- A. Xu hướng của sự phát triển
- B. Cách thức của sự phát triển
- C. **Nguồn gốc, động lực của sự phát triển**
- D. Tính chất của sự phát triển

2.3.3. **Quy luật lượng - chất chỉ ra:**

- A. **Cách thức của sự vận động phát triển**
- B. Tính chất của sự vận động phát triển
- C. Khuynh hướng của sự vận động phát triển
- D. Nguồn gốc, động lực của sự phát triển

2.3.4. **Quy luật phủ định của phủ định chỉ ra:**

- A. Cách thức của sự vận động phát triển
- B. Tính chất của sự vận động phát triển
- C. **Khuynh hướng của sự vận động phát triển**
- D. Nguồn gốc, động lực của sự phát triển

2.3.5. **Thành ngữ: “Nước chảy đá mòn” là sự vận dụng nguyên lý/quy luật nào?**

- A. **Quy luật lượng – chất**
- B. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
- C. Quy luật phủ định của phủ định
- D. Nguyên lý về sự phát triển

2.3.6. **Thành ngữ: “Bức dây động rừng” là sự vận dụng nguyên lý/quy luật nào?**

- A. Nguyên lý về sự phát triển
- B. **Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**
- C. Quy luật lượng – chất
- D. Quy luật phủ định của phủ định

- 2.3.7. Sự tác động theo xu hướng nào thì được gọi là sự đấu tranh của các mặt đối lập?
- A. Ràng buộc nhau
 - B. **Phủ định bài trừ nhau**
 - C. Nuông tựa nhau
 - D. Chuyển hóa nhau
- 2.3.8. Định lý hình học “Tổng các góc trong của một tam giác bằng 180^0 ” xét đến cùng được rút ra từ đâu?
- A. Nhận thức
 - B. Cảm giác
 - C. Suy luận
 - D. **Thực tiễn**
- 2.3.9. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?
- A. Chân lý có tính khách quan
 - B. Chân lý có tính tương đối
 - C. **Chân lý có tính trừu tượng**
 - D. Chân lý có tính cụ thể
- 2.3.10. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?
- A. **Nhận thức cảm tính gắn liền với thực tiễn**
 - B. Nhận thức cảm tính chưa phân biệt được cái bản chất với cái không bản chất
 - C. Nhận thức cảm tính chưa phản ánh đầy đủ và sâu sắc sự vật
 - D. Nhận thức cảm tính chưa thấy được bản chất, đặc tính chung nhất của sự vật
- 2.3.11. “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” là quan điểm của nhận thức nào?
- A. Nhận thức cảm tính
 - B. **Nhận thức lý tính**
 - C. Nhận thức khoa học
 - D. Nhận thức lý luận
- 2.3.12. Trong lý luận về mâu thuẫn, người ta gọi quá trình đồng hóa và dị hóa trong cơ thể sống là gì?
- A. Những sự vật
 - B. Hai yếu tố
 - C. Những thuộc tính
 - D. **Hai mặt đối lập**
- 2.3.13. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các mối liên hệ có vai trò như thế

nào đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật?

- A. Có vai trò ngang bằng nhau
 - B. Có vai trò khác nhau, cần phải xem xét mọi mối liên hệ**
 - C. Có vai trò khác nhau, nên chỉ cần biết một số mối liên hệ
 - D. Có vai trò quan trọng như nhau mọi lúc, mọi nơi
- 2.3.14. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây sai?
- A. Chất là tính qui định vốn có của sự vật
 - B. Chất đồng nhất với thuộc tính**
 - C. Chất là tổng hợp hữu cơ các thuộc tính của sự vật nói lên sự vật là cái gì
 - D. Lượng tồn tại khách quan gắn liền với sự vật
- 2.3.15. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây sai?
- A. Mặt đối lập là những mặt có đặc điểm trái ngược nhau
 - B. Mặt đối lập tồn tại khách quan trong các sự vật
 - C. Mặt đối lập là vốn có của các sự vật, hiện tượng
 - D. Mặt đối lập không nhất thiết phải gắn liền với sự vật**
- 2.3.16. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các mối liên hệ có vai trò như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật?
- A. Có vai trò ngang bằng nhau
 - B. Có vai trò khác nhau, cần phải xem xét mọi mối liên hệ**
 - C. Có vai trò khác nhau, nên chỉ cần biết một số mối liên hệ
 - D. Có vai trò quan trọng như nhau mọi lúc, mọi nơi

- 2.3.17. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?
- A. Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về lượng
 - B. Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về chất
 - C. **Quá trình phát triển của sự vật là quá trình chuyển hóa từ sự thay đổi dần dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại**
 - D. Phát triển là sự thay đổi về chất dẫn đến thay đổi về lượng và ngược lại
- 2.3.18. Theo quan điểm triết học Mác – Lênin, chất của sự vật, hiện tượng sẽ thay đổi khi:
- A. Có sự biến đổi về lượng của sự vật, hiện tượng
 - B. **Sự biến đổi về lượng của sự vật, hiện tượng đạt đến giới hạn điểm nút**
 - C. Có mâu thuẫn giữa chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
 - D. Diễn ra sự đấu tranh giữa hai mặt chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
- 2.3.19. Theo quan điểm triết học Mác – Lênin, chất của sự vật, hiện tượng sẽ thay đổi khi:
- A. Có sự biến đổi về lượng của sự vật, hiện tượng
 - B. **Sự biến đổi về lượng của sự vật, hiện tượng đạt đến giới hạn điểm nút**
 - C. Có mâu thuẫn giữa chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
 - D. Diễn ra sự đấu tranh giữa hai mặt chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
- 2.3.20. Theo anh (chị) bệnh chủ quan, duy ý chí biểu hiện như thế nào?
- A. chỉ căn cứ vào kinh nghiệm lịch sử để định ra chiến lược và sách lược
 - B. chỉ căn cứ vào quy luật khách quan để định ra chiến lược và sách lược
 - C. chỉ căn cứ vào kinh nghiệm của người khác để định ra chiến lược và sách lược
 - D. **chỉ căn cứ vào mong muốn chủ quan để định ra chiến lược và sách lược**

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

MỨC 1:

- 3.1.1. Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ giữa:
- A. Con người với con người
 - B. **Con người với giới tự nhiên**
 - C. Con người với tư liệu sản xuất
 - D. Con người với xã hội
- 3.1.2. Quan hệ sản xuất bao gồm:
- A. Tất cả các quan hệ giữa con người với con người trong xã hội
 - B. Tất cả các quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất, lưu thông và tiêu dùng hàng hóa.
 - C. **Tất cả các quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất t.**
 - D. Tất cả các quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất.
- 3.1.3. Cơ sở hạ tầng của xã hội là:
- A. Đường xá, cầu cống, sân bay, bến cảng
 - B. Toàn bộ cơ sở vật chất của xã hội
 - C. **Toàn bộ quan hệ sản xuất hợp thành cơ sở kinh tế của xã hội**
 - D. Toàn bộ quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất
- 3.1.4. Phương thức sản xuất là gì ?
- A. Cách thức con người quan hệ với tự nhiên.
 - B. Cách thức tái sản xuất giống loài.
 - C. Cách thức con người quan hệ với nhau trong sản xuất.
 - D. **Cách thức của con người thực hiện sản xuất vật chất ở mỗi giai đoạn lịch sử.**
- 3.1.5. Phương thức sản xuất gồm:
- A. **Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất**
 - B. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và cơ sở hạ tầng

- B. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và cơ sở hạ tầng
- C. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- D. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng

3.1.6. **Kiến trúc thượng tầng là gì?**

- A. Các quan hệ sản xuất hiện có trong xã hội
- B. Hệ tư tưởng của giai cấp thống trị
- C. Cơ sở kinh tế của xã hội
- D. **Những quan điểm, tư tưởng và các thiết chế của xã hội được hình thành trên cơ sở hạ tầng.**

3.1.7. **Tư liệu sản xuất bao gồm:**

- A. Con người và công cụ lao động

- B. Con người lao động, công cụ lao động và đối tượng lao động.
- C. Đối tượng lao động và tư liệu lao động**
- D. Công cụ lao động và tư liệu lao động
- 3.1.8. **Yếu tố cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất:**
- A. Đối tượng lao động
- B. Phương tiện lao động
- C. Công cụ lao động**
- D. Tư liệu lao động
- 3.1.9. **Trong mỗi quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất, loại quan hệ nào giữ vai trò quyết định các loại quan hệ còn lại:**
- A. Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất**
- B. Quan hệ tổ chức quản lý quá trình sản xuất
- C. Quan hệ phân phối sản phẩm làm ra
- D. Quan hệ giữa người quản lý và người làm thuê
- 3.1.10. **Mặt tự nhiên của phương thức sản xuất là gì?**
- A. Quan hệ sản xuất
- B. Kiến trúc thượng tầng
- C. Cơ sở hạ tầng
- D. Lực lượng sản xuất**
- 3.1.11. **Mặt xã hội của phương thức sản xuất là gì?**
- A. Quan hệ sản xuất**
- B. Kiến trúc thượng tầng
- C. Cơ sở hạ tầng
- D. Lực lượng sản xuất
- 3.1.12. **Mâu thuẫn đối kháng tồn tại ở đâu?**
- A. Tư duy
- B. Tự nhiên, xã hội và tư duy
- C. Tự nhiên
- D. Xã hội có giai cấp đối kháng**
- 3.1.13. **Cách viết nào sau đây là đúng:**
- A. Hình thái kinh tế – xã hội**
- B. Hình thái xã hội
- C. Hình thái kinh tế của xã hội
- D. Hình thái kinh tế, xã hội
- 3.1.14. **Yếu tố giữ vai trò quyết định trong lực lượng sản xuất là:**
- A. Công cụ lao động
- B. Người lao động**
- C. Khoa học - công nghệ
- D. Phương tiện lao động
- 3.1.15. **“Trình độ phát triển của công cụ lao động, của khoa học công nghệ, khoa học kỹ thuật, phân công lao động và người lao động”. Đó là khái niệm nào?**
- A. Tính chất của lực lượng sản xuất
- B. Cơ sở hạ tầng
- C. Kiến trúc thượng tầng
- D. Trình độ của lực lượng sản xuất**

3.1.16. **Hãy chọn phán đoán đúng về khái niệm Cách mạng?**

- A. Cách mạng là sự thay đổi của xã hội
- B. Cách mạng là sự vận động của xã hội.
- C. Cách mạng là sự thay đổi trong đó chất của sự vật biến đổi căn bản không phụ thuộc vào hình thức biến đổi của nó.**
- D. Cách mạng là sự thay đổi về lượng với những biến đổi nhất định về chất.

3.1.17. **Bản chất của con người là:**

- A. Tổng hợp các quan hệ xã hội
- B. Do thượng đế quyết định.
- C. Do di truyền tộc loại.
- D. Tổng hòa các quan hệ xã hội**

3.1.18. **Vai trò quyết định lịch sử thuộc về ai?**

- A. Các lãnh tụ, các vĩ nhân.
- B. Quần chúng nhân dân.**
- C. Những lực lượng siêu nhiên.
- D. Giai cấp thống trị.

3.1.19. **Nguyên nhân sâu xa của việc ra đời giai cấp thuộc lĩnh vực nào?**

- A. Lĩnh vực quyền lực chính trị
- B. Lĩnh vực kinh tế**
- C. Lĩnh vực tôn giáo
- D. Lĩnh vực xã hội

3.1.20. **Bộ phận có vai trò quan trọng và hiệu lực mạnh mẽ của kiến trúc thượng tầng trong sự tác động trở lại cơ sở hạ tầng là:**

- A. Tôn giáo

- A. Tôn giáo
 - B. Nhà nước
 - C. Đạo đức
 - D. Triết học
- 3.1.21. **Để đảm bảo sự phát triển hài hòa của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và:**
- A. Trình độ của người lao động
 - B. **Trình độ của lực lượng sản xuất**
 - C. Trình độ phát triển của công cụ lao động
 - D. Trình độ tư liệu sản xuất
- 3.1.22. **Tính chất của lực lượng sản xuất là:**
- A. Tính chất hiện đại và tính chất cá nhân
 - B. **Tính chất cá nhân và tính chất xã hội hoá.**
 - C. Tính chất xã hội hóa và tính chất hiện đại.
 - D. Tính chất xã hội và tính chất hiện đại
- 3.1.23. **Đặc điểm nổi bật của tâm lý xã hội là:**
- A. Phản ánh khái quát đời sống xã hội
 - B. **Phản ánh trực tiếp điều kiện sinh sống hàng ngày**
 - C. Phản ánh bản chất của tồn tại xã hội
 - D. Phản ánh tình cảm, tâm trạng của một cộng đồng người
- 3.1.24. **Điều kiện nào có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của tồn tại xã hội:**
- A. Điều kiện địa lý tự nhiên
 - B. Điều kiện dân số, mật độ dân số
 - C. **Phương thức sản xuất**
 - D. Điều kiện địa lý tự nhiên, mật độ dân số và phương thức sản xuất
- 3.1.25. **Trong định nghĩa về giai cấp của Lênin, đặc trưng nào quan trọng nhất?**
- A. **Giai cấp có mối quan hệ khác nhau đối với tư liệu sản xuất.**
 - B. Những tập đoàn người có địa vị khác nhau
 - C. Có vai trò khác nhau trong tổ chức lao động xã hội
 - D. Có sự khác nhau về phương thức và quy mô thu nhập

3.1.26. **Sự phân chia giai cấp trong xã hội bắt đầu từ hình thái kinh tế – xã hội nào?**

- A. Cộng sản nguyên thủy
- B. Phong kiến
- C. Chiếm hữu nô lệ**
- D. Tư bản chủ nghĩa.

3.1.27. **Sản xuất vật chất là :**

- A. Quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên nhằm tạo ra của cải vật chất thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.**
- B. Cách thức con người thực hiện quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người .
- C. Con người tham gia vào quá trình sản xuất vật chất.
- D. Hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người

3.1.28. **Công cụ lao động là :**

- A. Những vật đóng vai trò trung gian để tải sức của người lao động vào những vật chất khác trong quá trình sản xuất vật chất.**
- B. Những vật hỗ trợ con người vận chuyển, bảo quản trong quá trình sản xuất vật chất.
- C. Những vật nhận sự tác động của công cụ lao động trong quá trình sản xuất vật chất.
- D. Quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất .

3.1.29. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đời sống tinh thần của con người được diễn đạt bằng phạm trù nào?**

- A. Tồn tại xã hội
- B. Đời sống ý thức
- C. Ý thức tâm linh
- D. Ý thức xã hội**

3.1.30. **Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội là vấn đề gì?**

- A. Tiêu diệt giai cấp thống trị
- B. Giành chính quyền**
- C. Xây dựng lực lượng vũ trang
- D. Cải cách chính quyền

MỨC 2:

3.2.1. **Sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất ở một trình độ nhất định và quan hệ sản xuất tương ứng tạo thành :**

- A. Hình thái kinh tế - xã hội
- B. Phương thức sản xuất**
- C. Cơ sở hạ tầng
- D. Kiến trúc thượng tầng

3.2.2. **Chọn phán đoán sai về các yếu tố của quan hệ sản xuất**

- A. Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất.**
- B. Quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất

- B. Quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất.
 - C. Quan hệ về mọi mặt giữa người lao động và ông chủ.
 - D. Quan hệ trong phân phối sản phẩm lao động.
- 3.2.3. Chọn phán đoán đúng về quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất:
- A. Vai trò quyết định thuộc về lực lượng sản xuất hay quan hệ sản xuất là tùy thuộc vào điều kiện cụ thể
 - B. Quan hệ sản xuất quyết định lực lượng sản xuất
 - C. Không cái nào quyết định cái nào
 - D. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất
- 3.2.4. Nguyên nhân sâu xa của Cách mạng xã hội ?
- A. Mâu thuẫn về quan điểm giữa những lực lượng chính trị khác nhau trong xã hội
 - B. Mâu thuẫn giữa giai cấp cách mạng và phản cách mạng
 - C. Mâu thuẫn giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội
 - D. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- 3.2.5. **Cấu trúc của một hình thái kinh tế – xã hội gồm các yếu tố cơ bản hợp thành:**
- A. Lĩnh vực vật chất và lĩnh vực tinh thần
 - B. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
 - C. Quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng**
 - D. Quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- 3.2.6. **Tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các chế độ xã hội trong lịch sử?**
- A. Lực lượng sản xuất
 - B. Quan hệ sản xuất đặc trưng**
 - C. Chính trị tư tưởng
 - D. Phương thức sản xuất
- 3.2.7. **Các nội dung sau thuộc kiến trúc thượng tầng nước ta hiện nay, ngoại trừ:**
- A. Chủ nghĩa Mác – Lênin
 - B. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 - C. Tư tưởng Hồ Chí Minh
 - D. Thành phần kinh tế nhà nước**
- 3.2.8. **Trong các nhân tố tất yếu của sản xuất và đời sống, nhân tố giữ vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội là:**
- A. Tài nguyên
 - B. Điều kiện dân số
 - C. Khoa học kỹ thuật
 - D. Phương thức sản xuất**
- 3.2.9. **Đời sống tinh thần của con người, theo quan điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng được diễn đạt bằng khái niệm:**
- A. Tồn tại xã hội
 - B. Đời sống tâm linh
 - C. Đời sống ý thức
 - D. Ý thức xã hội**
- 3.2.10. **Hệ tư tưởng được biểu hiện cụ thể là:**
- A. Tình cảm, tâm trạng
 - B. Học thuyết Mác – Lênin**
 - C. Thói quen, thái độ
 - D. Ước muốn, động cơ.
- 3.2.11. **Tâm lý xã hội và hệ tư tưởng là hai cấp độ phản ánh khác nhau của:**
- A. Tồn tại xã hội
 - B. Ý thức xã hội**
 - C. Kiến trúc thượng tầng
 - D. Cơ sở hạ tầng.
- 3.2.12. **Mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp là do:**
- A. Sự khác nhau về tư tưởng, lối sống
 - B. Sự đối lập về lợi ích cơ bản – lợi ích kinh tế**
 - C. Sự khác nhau giữa giàu và nghèo
 - D. Sự khác nhau về mức thu nhập.
- 3.2.13. **Cấu trúc của Kiến trúc thượng tầng gồm:**
- A. Đảng phái, nhà nước xây dựng trên quan hệ sản xuất nhất định.
 - B. Toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật...
 - C. Những thiết chế xã hội như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể xã hội...
 - D. Toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật... Những thiết chế xã hội tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể...**
- 3.2.14. **Đấu tranh giai cấp trong lịch sử nhân loại giữ vai trò gì?**

- A. Động lực cơ bản của sự phát triển xã hội
- B. Thay thế các hình thái kinh tế – xã hội từ thấp tới cao
- C. **Một động lực quan trọng của sự phát triển xã hội trong các xã hội có giai cấp**
- D. Lật đổ ách thống trị của giai cấp thống trị.

3.2.15. **Kết cấu giai cấp trong xã hội có giai cấp gồm:**

- A. Các giai cấp cơ bản
- B. Các giai cấp cơ bản và giai cấp không cơ bản
- C. **Các giai cấp cơ bản, giai cấp không cơ bản và tầng lớp trung gian**
- D. Các giai cấp đối kháng.

3.2.16. **Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản là hình thức đấu tranh:**

- A. Tư tưởng
- B. Chính trị
- C. **Kinh tế**
- D. Văn hóa

- D. Vũ trang.
- 3.2.17. Trong các đặc trưng của giai cấp, đặc trưng nào giữ vai trò chi phối các đặc trưng còn lại?
- A. Tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác
 - B. Khác nhau về quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất xã hội**
 - C. Khác nhau về vai trò trong tổ chức lao động xã hội
 - D. Khác nhau về địa vị trong hệ thống tổ chức xã hội.
- 3.2.18. **Giai cấp thống trị về kinh tế trong xã hội trở thành giai cấp thống trị về chính trị nhờ:**
- A. Hệ thống luật pháp
 - B. Hệ tư tưởng
 - C. Nhà nước**
 - D. Vị thế chính trị.
- 3.2.19. **Nguyên nhân sâu xa nhất của cách mạng xã hội là:**
- A. Nguyên nhân chính trị
 - B. Nguyên nhân kinh tế**
 - C. Nguyên nhân tư tưởng
 - D. Nguyên nhân tâm lý
- 3.2.20. **Bản chất của con người được quyết định bởi:**
- A. Các mối quan hệ xã hội**
 - B. Nỗ lực của mỗi cá nhân
 - C. Giáo dục của gia đình và nhà trường
 - D. Hoàn cảnh xã hội

MỨC 3:

- 3.3.1. **Cuộc cách mạng nào sau đây là cách mạng xã hội?**
- A. CM văn hóa ở Trung hoa.
 - B. CM xanh ở Ấn Độ.
 - C. CM Khoa học kỹ thuật ở Mỹ
 - D. CM Nga 1917.
- 3.3.2. **Vai trò của quần chúng nhân dân anh hùng lãnh tụ?**
- A. “Anh hùng tạo nên thời thế”. Vì không có lãnh tụ tài ba thì cách mạng không thể thắng lợi.
 - B. “Thời thế tạo nên anh hùng” vì anh hùng lãnh tụ là sản phẩm của thời đại, được quần chúng tôn vinh và nguyện hy sinh quên mình cho lợi ích của quần chúng.**
 - C. Anh hùng, vĩ nhân do trời ban cho.
 - D. Lãnh tụ, vĩ nhân là những người kiệt xuất không bao giờ có khuyết điểm.
- 3.3.3. **Tư tưởng “trọng nam khinh nữ” trong thời đại hiện nay thể hiện tính chất gì của ý thức xã hội?**

- A. Tính bảo thủ
 - B. Tính kế thừa
 - C. **Tính lạc hậu**
 - D. Tính vượt trước
- 3.3.4. **Thiện và ác là cặp phạm trù của hình thái ý thức nào?**
- A. Chính trị
 - B. Tôn giáo
 - C. **Đạo đức**
 - D. Pháp quyền
- 3.3.5. **“Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa”. Đây là tri thức của con người thể hiện ở cấp độ:**
- A. Lý luận
 - B. Nghiên cứu
 - C. **Kinh nghiệm**
 - D. Khoa học
- 3.3.6. **Quan điểm “Trung với Đảng, hiếu với dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là thể hiện tính chất nào của ý thức xã hội?**
- A. Tính bảo thủ
 - B. **Tính kế thừa**
 - C. Tính lạc hậu
 - D. Tính vượt trước
- 3.3.7. **Ý thức xã hội không phụ thuộc vào tồn tại xã hội một cách thụ động mà có tác động tích cực trở lại tồn tại xã hội, đó là sự thể hiện:**
- A. **Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.**
 - B. Tính hướng định của ý thức xã hội.
 - C. Tính vượt trước của ý thức xã hội.
 - D. Tính kế thừa của ý thức xã hội.
- 3.3.8. **“Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đảng ta đã vận dụng quy luật:**
- A. Mối liên hệ biện chứng giữa kiến trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng
 - B. **Sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất**

- C. Sự phù hợp của phương thức sản xuất với tính chất và trình độ của quan hệ sản xuất.
 - D. Mối liên hệ biện chứng giữa kiến trúc thượng tầng và phương thức sản xuất
- 3.3.9. **Đặc trưng chủ yếu của ý thức tôn giáo?**
- A. Sự phản kháng đối với bất công xã hội.
 - B. **Niềm tin vào sự tồn tại của các đấng siêu nhiên.**
 - C. Khát vọng được giải thoát.
 - D. Phản ánh không đúng hiện thực khách quan
- 3.3.10. **Cuộc cách mạng vô sản, về cơ bản khác các cuộc cách mạng trước đó trong lịch sử là ở chỗ:**
- A. Thủ tiêu sự thống trị của giai cấp thống trị phản động
 - B. Thủ tiêu sở hữu tư nhân nói chung
 - C. **Thủ tiêu chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất**
 - D. Thủ tiêu nhà nước tư sản
- 3.3.11. **Trong lịch sử loài người, xã hội nào sau đây không có giai cấp, không có nhà nước?**
- A. **Xã hội cộng sản nguyên thủy**
 - B. Xã hội phong kiến
 - C. Xã hội chiếm hữu nô lệ
 - D. Xã hội tư bản
- 3.3.12. **Quan hệ nào sau đây giữ vai trò chi phối trong các quan hệ thuộc lĩnh vực xã hội:**

- A. Quan hệ gia đình.
 - B. Quan hệ giai cấp.**
 - C. Quan hệ dân tộc.
 - D. Quan hệ tôn giáo
- 3.3.13. **Bản chất Nhà nước thực chất là:**
- A. chỉ gắn với những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định của sản xuất.
 - B. phát triển của xã hội có giai cấp.
 - C. giai cấp không thể điều hoà được.
 - D. một bộ máy của một giai cấp này dùng để trấn áp một giai cấp khác.**
- 3.3.14. **Trong các hình thức đấu tranh giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hình thức nào là cơ bản nhất?**
- A. Kinh tế.**
 - B. Chính trị.
 - C. Văn hoá tư tưởng.
 - D. Quân sự.
- 3.3.15. **Nguồn gốc kinh tế của sự vận động và phát triển của hình thái kinh tế- xã hội?**
- A. Sự tăng lên không ngừng của năng xuất lao động
 - B. Mâu thuẫn giai cấp trong xã hội có giai cấp**
 - C. Ý muốn của các vĩ nhân, lãnh tụ
 - D. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất.**
- 3.3.16. **Hạt nhân cơ bản của quần chúng nhân dân là:**
- A. Các giai cấp, tầng lớp thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.
 - B. Những người lao động sản xuất ra của cải vật chất**
 - C. Những người chống lại giai cấp thống trị phản động
 - D. Những người nghèo khổ
- 3.3.17. **Chọn phát biểu đúng về đấu tranh giai cấp:**
- A. Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội
 - B. Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội
 - C. Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội có giai cấp
 - D. Đấu tranh giai cấp là nguyên nhân của sự kìm hãm xã hội có giai cấp
- 3.3.18. **Hệ tư tưởng được biểu hiện cụ thể là:**
- A. Tình cảm, tâm trạng
 - B. Học thuyết Mác-Lênin
 - C. Thói quen, thái độ
 - D. Ước muốn, động cơ chính trị
- 3.3.19. **Cuộc cách mạng vô sản, về cơ bản khác các cuộc cách mạng trước đó trong lịch sử**
- A. Thủ tiêu sự thống trị của giai cấp thống trị phản động
 - B. Thủ tiêu sở hữu tư nhân nói chung
 - C. Thủ tiêu chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất**
 - D. Thủ tiêu nhà nước tư sản
- 3.3.20. **Quốc gia nào sau đây trong lịch sử đã từng phát triển bỏ qua một vài hình thái kinh tế- xã hội?**
- A. Nga và Ucraina
 - B. Hoa Kỳ, Ôtxtrâyli và Việt Nam**
 - C. Việt Nam và Nga
 - D. Đức và Italia

3.3.21. Ý nghĩa của phạm trù hình thái kinh tế – xã hội?

- A. Đem lại sự hiểu biết toàn diện về mọi xã hội trong lịch sử.
- B. Đem lại sự hiểu biết đầy đủ về một xã hội cụ thể.
- C. **Đem lại những nguyên tắc phương pháp luận xuất phát để nghiên cứu xã hội.**
- D. Đem lại một phương pháp tiếp cận xã hội mới.

3.3.22. Sự ra đời của giai cấp trong lịch sử có ý nghĩa:

22

- A. Là một sai lầm của lịch sử.
- B. Là bước thụt lùi của lịch sử.
- C. **Là một bước tiến của lịch sử**
- D. Là động lực của lịch sử

CHƯƠNG I + II. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

Câu 1.1: Định nghĩa của Lênin về vật chất được nêu trong tác phẩm nào?

- a. Biện chứng của tự nhiên
- b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán**
- c. Bút ký triết học
- d. Nhà nước và cách mạng

Câu 1.2: Đây là quan niệm về vật chất của triết học Mác - Lênin?

- a. Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể của vật chất
- b. Không đồng nhất vật chất nói chung với dạng cụ thể của vật chất**
- c. Coi có vật chất chung tồn tại tách rời các dạng cụ thể của vật chất
- d. Phạm trù triết học

Câu 1.3: Định nghĩa về vật chất của Lênin bao quát đặc tính quan trọng nhất của mọi dạng vật chất để phân biệt với ý thức. Đó là đặc tính gì?

- a. Thực tại khách quan độc lập với ý thức của con người
- b. Vận động và biến đổi
- c. Có khối lượng và quảng tính
- d. Không gian và quảng tính

Câu 1.4: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, vật chất với tư cách là phạm trù triết học có đặc tính gì?

- a. Vô hạn, vô tận, vĩnh viễn tồn tại, độc lập với ý thức
- b. Có giới hạn, có sinh ra và có mất đi
- c. Vô hạn, vô tận, vĩnh viễn tồn tại
- d. Tồn tại vô thủy, vô chung

Câu 1.5: Đây là quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- a. Vật chất là cái gây nên cảm giác cho chúng ta
- b. Cái gì không gây nên cảm giác ở chúng ta thì không phải là vật chất
- c. Cái không cảm giác được thì không phải là vật chất
- d. Vật chất là sự phức hợp của cảm giác

Câu 1.6: Quan điểm sau đây thuộc trường phái triết học nào: Cái gì cảm giác được là vật chất?

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.7: Khi nói vật chất là cái được cảm giác của chúng ta chép lại, phản ánh lại, về mặt nhận thức luận Lênin muốn khẳng định điều gì?

- a. Cảm giác, ý thức của chúng ta có khả năng phản ánh đúng thế giới khách quan

- b. Cảm giác, ý thức của chúng ta không thể phản ánh đúng thế giới vật chất
- c. Cảm giác, ý thức phụ thuộc thụ động vào thế giới vật chất
- d. Cảm giác, ý thức là sự phản ánh vào thế giới vật chất

Câu 1.8: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất?

- a. Vật chất là vật thể
- b. Vật chất là thực tại khách quan**
- c. Vật chất là nước
- d. Vật chất là một dạng của lửa

Câu 1.9: Quan điểm triết học nào tách rời vật chất với vận động?

- a. Chủ nghĩa duy tâm**
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.10: Trường phái triết học nào quan niệm vận động bao gồm mọi sự biến đổi của vật chất, là phương thức tồn tại của vật chất?

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
- c. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

Câu 1.11: Nếu cho rằng có vật chất không vận động và có vận động thuần túy ngoài vật chất sẽ rơi vào lập trường triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình**
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy vật nhân bản

Câu 1.12: Trường phái triết học nào quan niệm không thể có vật chất không vận động và không thể có vận động ngoài vật chất?

- a. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
- d. Chủ nghĩa duy tâm

Câu 1.13: Đây là quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vận động?

- a. Có vật chất không vận động
- b. Có vận động thuần túy ngoài vật chất
- c. Không có vận động thuần túy ngoài vật chất**
- d. Có vật chất vừa vận động vừa không vận động

Câu 1.14: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vận động?

- a. Vận động là sự tự thân vận động của vật chất, không được sáng tạo ra và không mất đi**
- b. Vận động là sự đẩy và hút của vật thể
- c. Vận động được sáng tạo ra và có thể mất đi
- d. Vận động là do ý niệm tuyệt đối

Câu 1.15: Ăngghen đã chia vận động làm mấy hình thức cơ bản?

- a. 4 hình thức
- b. 3 hình thức
- c. **5 hình thức**
- d. 6 hình thức

Câu 1.16: Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ăngghen, hình thức nào là thấp nhất?

- a. **Cơ học**
- b. Vật lý
- c. Hoá học
- d. Xã hội

Câu 1.17: Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ăngghen, hình thức nào là cao nhất và phức tạp nhất?

- a. Sinh học
- b. Hoá học
- c. **Vận động xã hội**
- d. Cơ học

Câu 1.18: Trường phái triết học nào quan niệm vận động và đứng im không tách rời nhau?

- a. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- b. **Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.19: Trường phái triết học nào quan niệm vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối?

- a. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- b. **Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.20: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- a. **Không gian và thời gian là hình thức tồn tại của vật chất, không tách rời vật chất**
- b. Không gian và thời gian phụ thuộc vào cảm giác của con người
- c. Tồn tại không gian và thời gian thuần túy ngoài vật chất
- d. Không gian và thời gian là sự thể nghiệm của con người

Câu 1.21: Trường phái triết học nào quan niệm không gian và thời gian là do thói quen của con người quy định?

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b. **Chủ nghĩa duy tâm chủ quan**
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

Câu 1.22: Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm về nguồn gốc của ý thức?

- a. Là sự phản ánh của hiện thực khách quan
- b. Là thuộc tính của bộ não người, do não người tiết ra
- c. **Phủ nhận nguồn gốc vật chất của ý thức**
- d. Là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan

Câu 1.23: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phản ánh?

- a. Phản ánh là thuộc tính của mọi dạng vật chất là cái vốn có của mọi dạng vật chất.
- b. Phản ánh chỉ là đặc tính của một số vật thể.
- c. Phản ánh không phải là cái vốn có của thế giới vật chất, chỉ là ý thức con người tưởng tượng ra
- d. Phản ánh là hình ảnh của sự vật

Câu 1.24: Đồng nhất ý thức với phản ánh vật lý, đó là quan điểm của trường phái triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.25: Trường phái triết học nào đồng nhất ý thức với một dạng vật chất?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- b. Chủ nghĩa duy vật chất phác**
- c. Chủ nghĩa duy tâm
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.26: Trường phái triết học nào quan niệm ý thức không phải là chức năng của não?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
- b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.27: Trường phái triết học nào quan niệm quá trình ý thức không tách rời đồng thời không đồng nhất với quá trình sinh lý thần kinh của não người?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- c. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

Câu 1.28: Đây là quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc tự nhiên của ý thức?

- a. Ý thức tồn tại trên cơ sở quá trình sinh lý của não người**
- b. Ý thức là sự thể hiện của ý niệm
- c. Ý thức đồng nhất với quá trình sinh lý của não người.
- d. Ý thức là một dạng của nguyên tử

Câu 1.29: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng ở động vật bậc cao có thể đạt đến hình thức phản ánh nào?

- a. Phản ánh ý thức
- b. Phản ánh tâm lý động vật**
- c. Tính kích thích
- d. Tính cảm ứng

Câu 1.30: Điều khẳng định nào sau đây là sai?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng động vật bậc cao chưa có ý thức
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng động vật bậc cao cũng có ý thức**
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng chỉ có con người mới có ý thức
- d. Chủ nghĩa duy vật đều cho ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào óc con người

Câu 1.31: Hình thức phản ánh đặc trưng của thế giới vô cơ là gì?

a. Phản ánh vật lý, hoá học

b. Phản ánh sinh học

c. Phản ánh ý thức

d. Phản ánh tâm lý

Câu 1.32: Hình thức phản ánh đặc trưng của thế giới thực vật và động vật chưa có hệ thần kinh là gì?

a. Phản ánh vật lý, hoá học

b. Tính kích thích

c. Tính cảm ứng

d. Tâm lý động vật

Câu 1.33: Hình thức phản ánh đặc trưng của động vật có hệ thần kinh là gì?

a. Tính kích thích

c. Tính cảm ứng

b. Tâm lý động vật

d. Các phản xạ

Câu 1.34: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc của ý thức?

a. Ý thức ra đời là kết quả quá trình phát triển lâu dài thuộc tính phản ánh của thế giới vật chất

b. Ý thức ra đời là kết quả sự tác động lẫn nhau giữa các sự vật vật chất

c. Ý thức ra đời là kết quả quá trình tiến hoá của hệ thần kinh

d. Ý thức ra đời là kết quả của lực lượng siêu nhiên

Câu 1.35: Nguồn gốc xã hội của ý thức là yếu tố nào?

a. Bộ óc con người

b. Sự tác động của thế giới bên ngoài vào bộ óc con người

c. Lực lượng sản xuất xã hội con người